

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **10/2020/HS-ST**

Ngày 02 - 3 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hạnh.
2. Ông Nguyễn Đăng Lân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Đ (tên gọi khác: T Đ); sinh năm 1989; tại tỉnh Đ;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Đ và bà Nguyễn Thị H (đã chết). Tiền án, tiền sự: 02 tiền án – Tại bản án số: 62/HSST/2007 ngày 30/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp với bản án số 23 ngày 24/4/2007 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 04 năm tù. Tại bản án số: 406/2012/HSPT ngày 08/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản);

Nhân thân: Ngày 24/4/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích vì tại thời điểm phạm tội bị can là người chưa đủ 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/11/2019 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cư M'gar – Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Như N – Vắng mặt
Địa chỉ: AA Q, thị trấn Q, huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thường chơi bi da nên Nguyễn Đức Đ có quen biết với anh Nguyễn Như N là chủ quán bi da D, tại số AA đường Q, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vào tối ngày 18/12/2017, sau khi chơi bi da tại quán của anh N về, Nguyễn Đức Đ đã nảy sinh ý định quay lại quán bi da để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 02 giờ sáng, ngày 19/12/2017, Đ mang theo 01 tuốc nơ vít dài khoảng 20cm, đi bộ đến quán bi da Dragon và trèo qua hàng rào lưới B40 đi theo đường hông vào phía sau quán. Khi đến ô cửa thông gió của nhà vệ sinh, Đ dùng tuốc nơ vít mở các ốc vít ở ô cửa thông gió ra và trèo vào trong quán, do sợ bị Camera quan sát của quán ghi hình lại nên Đ bò dưới các bàn bi da để đến quầy tính tiền thì thấy anh N đang nằm ngủ. Lúc này Đ phát hiện chỗ anh N ngủ có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu đỏ nên Đ lấy 02 điện thoại trên bỏ vào túi quần của mình rồi đi ra bằng lối cửa sau để về lại nhà. Đến khoảng 12 giờ, ngày 19/12/2017, Đ mang 02 chiếc điện thoại di động trộm cắp được của anh N đến cầm cố cho Nguyễn Mạnh H, trú tại số AA đường Y N, thị trấn Q, huyện C là chủ tiệm cầm đồ H Mobile, lấy số tiền 2.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 29/11/2019 Nguyễn Đức Đ bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KLĐGTS, ngày 21/12/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cư M'gar kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng đồng, giá trị còn lại: 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu đỏ, giá trị còn lại: 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được định giá là 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng ngàn đồng).

Bản cáo trạng số: 04/CT - VKS ngày 10 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ N quyết định đã truy tố và đưa ra các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 02 (hai) năm đến 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như vậy bị cáo Nguyễn Đức Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM’gar truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

c) Tái phạm nguy hiểm;

...

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại, gây tác động xấu đến trật tự an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội; vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi, bị cáo khai báo thành khẩn, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Đối với Nguyễn Mạnh H, khi nhận cầm cố 02 chiếc điện thoại của Nguyễn Đức Đ, H không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu vàng đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu đỏ cho anh Nguyễn Như N là chủ sở hữu hợp pháp, xét việc trao trả phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

Đối với 01 Tuốc nơ vít, nhãn hiệu HUAYUE, dài 20cm; màu đỏ, đen sọc trắng; tay nắm bằng cao su dài 12cm không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/11/2019.

Về vật chứng của vụ án: *Áp dụng khoản 1,2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu vàng đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu đỏ cho anh Nguyễn Như N là chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu hủy 01 Tuốc nơ vít, nhãn hiệu HUAYUE, dài 20cm; màu đỏ, đen sọc trắng; tay nắm bằng cao su dài 12cm (Hiện vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2020).

Về án phí: *Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Bị cáo Nguyễn Đức Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I;
- VKS huyện Cư M'gar;
- CA huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu văn thư; hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Văn Tha